

Số: /BC-BGD/VHF

V/v: Báo cáo kết quả SXKD năm 2022
và xây dựng kế hoạch SXKD năm 2023.

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022 VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2023 CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

DỰ THẢO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông;
Hội đồng Quản trị Công ty.

- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà;

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đã được Tổng công ty Lương thực miền Bắc phê duyệt và ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 16 ngày 19 tháng 4 năm 2022 giao:

- Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty, đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán VACO đến hết ngày 31/12/2022.

Ban Giám đốc Công ty báo cáo kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023 của Công ty với các nội dung sau:

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. TỔNG QUAN CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2022.

Kinh tế – xã hội nước ta trong năm 2022 diễn ra trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế thế giới giảm do bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 kéo dài và tác động từ cuộc xung đột giữa Nga và U-crai-na. Tình trạng phong tỏa dịch ở Trung Quốc với chính sách Zero Covid đã gia tăng ảnh hưởng đến tăng trưởng của nền kinh tế này và gây ảnh hưởng đến các chuỗi giá trị toàn cầu trong đó có Việt Nam. Ngoài ra, căng thẳng với xung đột địa chính trị gia tăng, càng làm tăng thêm bất ổn trước mắt và có thể dẫn đến chuyển đổi cơ cấu dài hạn của nền kinh tế toàn cầu.

Giá các loại hàng hóa thiết yếu trên thị trường thế giới tăng cao, đặc biệt là giá bình quân dầu thô, khí đốt tự nhiên, khí tự nhiên hóa lỏng đã tăng mạnh nhất kể từ năm 2011. Các yếu tố trên gây nguy cơ khủng hoảng an ninh năng lượng, lương thực và tạo ra áp lực lớn đến lạm phát toàn cầu.

Đây là những yếu tố đã tác động mạnh đến thị trường hàng hóa trong nước, do nền kinh tế Việt Nam hiện nay có độ mở lớn, hàng hóa và nguyên nhiên vật liệu phục

vụ sản xuất phần lớn phải nhập khẩu. Xu hướng gia tăng giá cả các loại hàng hóa và lạm phát đã gây ảnh hưởng lớn đến mọi lĩnh vực trên thị trường trong nước cả năm vừa qua.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KHSXKD NĂM 2022.

1. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD thương mại, dịch vụ và xây lắp.

Trong năm 2022, Công ty đã vượt qua rất nhiều khó khăn, nhưng vẫn duy trì hoạt động ổn định.

Sau đây là báo cáo đánh giá một số mặt hàng kinh doanh chính của Công ty trong năm 2022 cụ thể như sau:

- Về kinh doanh các mặt hàng nông sản như Gạo, Sắn lát, Đậu tương, Ngô... trong năm 2022 là rất khó khăn với những biến động về chi phí vận chuyển, lưu kho và chi phí khác tăng vọt gây ảnh hưởng tới giá cả thị trường. Giá xăng dầu tăng liên tục trong thời gian ngắn đã làm giảm tỉ suất lợi nhuận và giảm khả năng cạnh tranh các mặt hàng kinh doanh khác của Công ty.

- Về các mặt hàng của kênh phân phối: đã đi vào ổn định nhưng chưa đạt được sự kỳ vọng bứt phá về lượng và chất.

- Về xây dựng, hiện nay đầu tư công là rất khó khăn, vì vậy Công ty tiếp tục hoàn thiện các dự án đã được ký kết và tìm kiếm, tham gia đấu thầu các dự án xây dựng khác.

- Việc triển khai các dự án hiệu quả hiện cần phải thực hiện phê duyệt phương án sắp xếp theo Nghị định 167/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 sửa đổi, bổ sung của Chính Phủ.

- Tiền thuê và thuê đất phi nông nghiệp phải nộp luôn ở mức cao.

- Công ty lên kế hoạch sửa chữa hệ thống kho và bổ sung nâng cấp hệ thống PCCC tại các điểm thuê kho theo yêu cầu bắt buộc. Hiện Công an các Thành phố đang triển khai kế hoạch số 513/KH-BCA-C07 ngày 07/10/2022 thực hiện tổng rà soát, kiểm tra an toàn về PCCC và cứu nạn, cứu hộ trên phạm vi toàn quốc.

- Phần lớn các lô đất Công ty đang quản lý đã hết hợp đồng thuê đất với Nhà nước, cần có kinh phí cho hợp đồng tư vấn chuyên môn, phối hợp với các phòng ban trong Công ty để xử lý tồn tại liên quan đến từng khu đất.

Tổng hợp các chỉ tiêu chủ yếu đã đạt được như sau:

DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	425.815.854.067	496.994.133.061
2	Các khoản giảm trừ	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	425.815.854.067	496.994.133.061
4	Giá vốn hàng bán	411.492.784.406	477.031.667.610
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	14.323.069.661	19.962.465.451
6	Doanh thu hoạt động tài chính	23.108.165.998	23.735.673.121
7	Chi phí hoạt động tài chính	1.602.550.823	4.814.207.167
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	1.554.475.732	2.796.490.713
8	Chi phí bán hàng	5.008.533.468	4.344.975.497
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.332.471.536	27.520.664.889
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	6.487.679.832	7.018.291.019
11	Thu nhập khác	45.464.370	87.039.192
12	Chi phí khác	5.433.589	4.120.079
13	Lợi nhuận khác	40.030.781	82.919.113
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	6.527.710.613	7.101.210.132
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.527.710.613	7.101.210.132

2. Công tác đầu tư xây dựng, bảo vệ quỹ đất và tài sản trên đất.

02 khu đất đã được ĐHĐCĐ cũng như UBND thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất để phát triển dự án đầu tư là (khu đất 9A+780 Minh Khai đã được cấp GCNQSDĐ gắn liền TSTĐ; khu đất Km10 Văn Điển Công ty đã ký xong Hợp đồng thuê đất và thực hiện các bước tiếp theo quy định để được cấp GCNQSDĐ).

Việc triển khai dự án trong giai đoạn này cần phải thực hiện theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 sửa đổi, bổ sung và thông tư số 125/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2021. Do vậy Công ty đã kê

khai đầy đủ số liệu theo yêu cầu và cung cấp cho Tổng công ty tổng hợp để làm việc với các cơ quan chức năng phê duyệt phương án tiếp theo.

Dự án 231 Cầu Giấy – Hà Nội do còn những vướng mắc về thủ tục giải tỏa mặt bằng và điều chỉnh quy mô dự án nên vẫn chưa thể triển khai thực hiện được.

Các khu đất còn lại do Công ty quản lý, được sử dụng làm văn phòng của các Trung tâm, ngoài ra còn để thực hiện theo yêu cầu nhiệm vụ làm kho lương thực và kết hợp cho thuê kho bãi để có nguồn thu đảm bảo thực hiện nghĩa vụ tiền thuê đất cho Nhà nước.

3. Đánh giá kết quả tổng hợp được giao và đã thực hiện trong năm 2022

Từ những kết quả đánh giá và thực hiện trong năm 2022 trên, Ban điều hành báo cáo kết quả tổng hợp được ĐHCĐ giao và đã thực hiện trong năm 2022 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2021			Thực Hiện Năm 2022		
			KH	TH	%TH	KH	TH	%TH
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	215	215	100	215	215	100
2	Doanh thu	Tỷ đồng	400	425,8	106	480	497	103,5
3	LN sau thuế TNDN	Tỷ đồng	6,5	6,52	100,3	7	7,1	101,4
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	21	15,7	75	20	19,4	97
5	Số lao động BQ	Người	108	104	96	108	108	100
6	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	15,8	14,8	93	15	14,9	99,3
7	Thu nhập bình quân/tháng	Triệu đồng	11	11,2	102	11,2	11,5	102,7

III. Đánh giá công tác điều hành năm 2022.

Năm 2022, theo bảng kết quả với số liệu thống kê trên, mặc dù tình hình kinh tế chung rất khó khăn, nhưng các chỉ tiêu được ĐHCĐ được giao, Ban điều hành đã nỗ lực hết sức để hoàn thành vượt kế hoạch đề ra với doanh số 497 tỷ VNĐ và đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận đạt 7,1 tỷ VNĐ.

Trong năm, Công ty cũng đã có nhiều những đổi mới rõ nét trong công tác quản trị điều hành, đặc biệt là nguồn nhân lực, hệ thống quy trình hướng tới chuẩn mực. Các chỉ tiêu đánh giá CBCNV Công ty được áp dụng và triển khai thực hiện, hệ thống kiểm tra kiểm soát được củng cố và tăng cường trong công tác điều hành như sau:

1. Về công tác tổ chức thực hiện:

Bám sát mục tiêu của kế hoạch SXKD được ĐHĐCĐ lần thứ XVI năm 2022 thường niên thông qua, Công ty tiếp tục nâng cao công tác quản trị nhân sự thông qua các hình thức đào tạo và tuyển dụng thường xuyên nhằm duy trì hoạt động cải tiến liên tục và sắp xếp lại nguồn nhân lực cho phù hợp.

2. Về công tác quản lý và tái cơ cấu:

- Duy trì và cải tiến hệ thống quản trị theo hướng hiện đại để đáp ứng đủ lực cho việc quản trị hệ thống với quy mô phát triển ngày một lớn mạnh.
- Rà soát, đánh giá và khắc phục kịp thời tồn tại trong công tác quản lý, đảm bảo việc thấu hiểu quy trình công việc từ lãnh đạo đến các nhân viên Công ty.
- Nâng cao chuyên môn cho các cán bộ quản lý chi nhánh và các bộ phận phòng ban chức năng trong Công ty. Nhằm đảm bảo khả năng quản lý, lập kế hoạch và triển khai nhiệm vụ được giao đạt được hiệu quả cao nhất.
- Tiếp tục có phương án thực hiện tái cơ cấu trong các phòng ban và các đơn vị khi cần thiết.

3. Về công tác kiểm soát:

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn Công ty thông qua các biện pháp kiểm soát tiền lương, tiền công, chi phí bảo trì, bảo hành, chi phí giá thành đầu ra, đầu vào để tiến tới thực hiện theo Quy chế tài chính được phê duyệt...;
- Kế hoạch kinh doanh được đánh giá và theo dõi bám sát hàng tuần, hàng tháng, do vậy đã có những điều chỉnh kịp thời trước những biến động của thị trường để hoạt động Công ty được ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 và tạo tiền đề cho năm 2023.
- Tăng cường nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro của toàn Công ty, kiểm soát rủi ro về công nợ, hàng tồn kho, tăng cường công tác thu hồi nợ, nhằm giảm nợ và tăng hiệu quả của việc sử dụng vốn.
- Tăng cường rà soát tính hiệu quả của các tài sản, những tài sản nào không phát huy hiệu quả tối đa có thể cho thuê mượn, liên doanh và liên kết nhằm tạo ra hiệu quả sử dụng vốn cao nhất cho Công ty.

B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Công ty luôn bám sát kế hoạch 05 năm 2021 ÷ 2025 đã xây dựng, được ĐHĐCĐ thông qua để làm cơ sở định hướng phát triển và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh cho những năm tiếp theo.

I. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2023.

Theo nhận định chung của các chuyên gia kinh tế và cũng như của Ban lãnh đạo Công ty:

Tình hình kinh tế thế giới còn có những biến động với nhiều tiềm ẩn làm gia tăng các yếu tố rủi ro do thách thức từ xung đột thương mại Mỹ - Trung Quốc, cấm vận EU+ Mỹ đối với Nga về định hình thương mại toàn cầu ngày càng sâu sắc; Xung đột Nga - Ukraina gây tác động đẩy giá nhiên liệu và lương thực lên cao. Dịch bệnh COVID 19 hiện nay vẫn gây tác động tiêu cực đến một số nền kinh tế trên toàn cầu và đặc biệt thị trường lớn là Trung Quốc với nhiều hậu quả khác; Thiên tai với các trận động đất tại Thổ Nhĩ Kỳ và Syri cũng gia tăng ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế chung.

Ở Việt Nam nền kinh tế vĩ mô đã có dấu hiệu tốt lên và lạm phát đang ở mức kiểm soát. Tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam trong năm 2022, đầu năm 2023 diễn ra khá khó khăn bởi nhiều nguyên nhân khác nhau bất chấp bối cảnh kinh tế thế giới đã có những dấu hiệu phục hồi sau đại dịch virus COVID 19.

Riêng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc đang diễn biến rất bất thường, hai mặt hàng có kim ngạch chính xuất khẩu sang Trung Quốc gồm Sắn lát, Gạo là những ngành hàng chủ lực của Công ty và của nhiều doanh nghiệp xuất nhập khẩu nông sản Việt Nam hiện nay sẽ còn bị ảnh hưởng rất nhiều. Do vậy tùy theo diễn biến thực tế, Công ty sẽ linh hoạt điều chỉnh việc kinh doanh sao cho phù hợp.

Phương hướng hoạt động SXKD của Công ty Vĩnh Hà trong năm 2023 là luôn coi trọng mục tiêu bảo đảm an toàn vốn kinh doanh và duy trì lợi nhuận đã được Ban giám đốc Công ty thống nhất để trình ĐHQĐ và HĐQT cụ thể như sau:

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

II.1. Kế hoạch kinh doanh thương mại, dịch vụ chủ yếu và xây lắp:

Năm 2023, Công ty vẫn tiếp tục SXKD các mặt hàng và thị trường truyền thống:

- Kế thừa và phát huy những kết quả đạt được trong năm 2022, qua đó quán triệt, thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp với các sự đoàn kết, thống nhất cao, dân chủ, hành động thiết thực, hiệu quả, bám sát thực tiễn. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực thi các nhiệm vụ được giao, bảo đảm công khai và minh bạch.

- Thực hiện quyết liệt, hiệu quả hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra để hoàn thành các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh cấp trên giao phó.

a) Về sản xuất kinh doanh của các ngành hàng chủ yếu:

- Mặt hàng kinh doanh Gạo:

Luôn hoàn thành tốt việc cung ứng Gạo theo chỉ đạo của Tổng công ty để phục vụ cho xuất khẩu.

Tiếp tục đầu tư nâng cấp thiết bị để nâng cao chất lượng hàng kinh doanh, giữ vững và mở rộng thị phần kinh doanh gạo bán lẻ tới tay người tiêu dùng. Duy trì và phát triển thương hiệu của Công ty trong việc cung cấp gạo cho hệ thống siêu thị, nhà hàng, khách sạn...

- Mặt hàng kinh doanh Sắn:

Công ty sẽ là tiếp tục thu mua với sản lượng Sắn phù hợp thị trường trong và ngoài nước, trên nguyên tắc mua và bán chắc chắn để bảo đảm an toàn vốn. Trong năm nay, khi thị trường thuận lợi sẽ đẩy mạnh hơn công tác thu mua - bán để từng bước nâng doanh số lên đến 200 tỷ VNĐ và khôi phục lại vị thế của Công ty trong lĩnh vực này.

- Mặt hàng Đỗ tương:

Tiếp tục bám sát thị trường Đỗ tương, mua chắc, bán chắc, phát triển bền vững và khẳng định vị thế với thương hiệu nông sản (chất lượng, bao bì, nhãn mác...) của Công ty trên thị trường.

- Ngành hàng phân phối:

Tiếp tục đầu tư để đáp ứng nhu cầu nâng cao doanh số, mở rộng địa bàn hoạt động trên cơ sở ưu tiên các nhãn hàng chất lượng cao có uy tín và thương hiệu. Nhằm đảm bảo từng bước nâng cao hiệu quả trong hoạt động kinh doanh lĩnh vực này.

- Các mặt hàng kinh doanh khác

Bên cạnh các mặt hàng kinh doanh truyền thống đang được chú trọng đầu tư, phát triển, một số mặt hàng khác như Ngô, Đậu xanh, Bã sắn và các mặt hàng tiêu dung khác. Nhằm mục đích đa dạng hóa nguồn cung, giữ gìn cũng như duy trì mối quan hệ với các nhóm khách hàng khác nhau và phục vụ cho các kế hoạch kinh doanh lâu dài khác trong thời gian tới.

- Xây dựng:

Công ty tiếp tục tìm kiếm, tham gia đấu thầu để ký kết hợp đồng với các dự án mới, nhằm tiếp tục phát triển năng lực xây dựng có sẵn của Công ty và sẵn sàng mở rộng khi các điều kiện triển khai được đáp ứng.

- Thuê bất động sản:

Khai thác tối ưu những bất động sản hiện Công ty được giao như: hệ thống kho bãi, văn phòng... nhằm có thêm nguồn kinh phí để thực hiện nghĩa vụ thuê và thuế đất đối với Thành phố.

Thực hiện việc triển khai kế hoạch sửa chữa, nâng cấp hệ thống các kho hiện có đảm bảo yêu cầu an toàn khi đưa vào hoạt động. Từng bước đầu tư, trang bị bổ sung hệ thống PCCC tại các kho theo yêu cầu của luật PCCC và cơ quan PCCC tại địa bàn với từng điểm đất.

b) Về đầu tư phát triển:

Kế hoạch đầu tư phát triển trong năm 2023:

Việc triển khai các dự án, hiện cần phải tuân theo trình tự thực hiện Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại và xử lý tài sản công.

Tiếp tục dự án hợp tác kinh doanh với đối tác tại 231 Cầu Giấy.

Hai khu đất là 780 Minh Khai và Km10 Văn Điển đã có trong phương án cơ bản phân hóa và đã được chủ trương phê duyệt của Thành phố. Nếu có thể ưu tiên, sẽ tiến hành tách ra để thực hiện ngay từng bước triển khai dự án từ năm 2023.

Bám sát việc hoàn thiện hồ sơ pháp lý của điểm đất tại ấp Thái Hòa – xã Tân Uyên – tỉnh Bình Dương nhằm làm tốt công tác quản lý, đồng thời đảm bảo nghĩa vụ nộp tiền thuê + thuế đất liên quan khi cơ quan quản lý Nhà nước yêu cầu và để hưởng quyền lợi của doanh nghiệp theo quy định.

Các khu đất còn lại do Công ty quản lý được sử dụng làm văn phòng của các Trung tâm và khi cần sẽ được sử dụng làm kho lương thực. Công ty tiếp tục hoàn thiện hồ sơ pháp lý để ký kết hợp đồng thuê đất với Thành phố và đồng thời triển khai dự án phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt khi Phương án sắp xếp theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP và Nghị định bổ sung số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 thông qua.

c) Về lao động, tiền lương:

Số lao động bình quân trong năm là khoảng 108 người. Công ty sẽ chủ trương tuyển dụng, đào tạo, bố trí và sắp xếp lại lao động để phù hợp nhất có thể nhu cầu công việc.

d) Một số công tác khác:

- Về công tác phòng cháy chữa cháy: Hiện nay Thủ tướng Chính phủ yêu cầu siết chặt kỷ luật, kỷ cương; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về phòng cháy chữa cháy (PCCC) và cứu nạn cứu hộ (CNCH). Bộ Công an phối hợp với các cơ quan, đơn vị địa phương tổng kiểm tra, rà soát trên toàn quốc về an toàn PCCC và CNCH. Thực trạng công tác PCCC tại Công ty Vĩnh Hà những năm qua đã được cải thiện về nhiều mặt và đã đi vào chuyên sâu, chuyên nghiệp theo đúng những quy định của Pháp luật. Tuy vậy, để có thể hoàn thiện đầy đủ theo quy định trên thì Công ty phải cần rất nhiều kinh phí để thực hiện. Công ty sẽ bố trí một phần kinh phí cho công tác PCCC trong năm 2023 và các năm tiếp theo. Với từng bước trang bị hệ thống báo cháy và các phương tiện hỗ trợ khác tại các điểm kho cho thuê để đảm bảo an toàn và thực hiện đầy đủ các quy định Pháp luật.

- Trong năm 2023 Công ty sẽ tiến hành nâng cấp, trang bị các phần mềm nghiệp vụ có bản quyền mới để thay thế phần mềm đã cũ và nhằm phục vụ tốt hơn nữa cho công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh bất động sản, trên cơ sở khai thác hệ thống kho, bãi và các bất động sản thuộc sở hữu của Công ty.

Với những nội dung chủ yếu đã trình bày trên, chúng ta xác định các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch SXKD thương mại, dịch vụ và xây lắp năm 2023 như sau:

Biểu 1: Kế hoạch kinh doanh hàng hoá và dịch vụ chủ yếu năm 2023

TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Sản lượng (Tấn)	Giá vốn (Tr.đồng)	Doanh thu (Tr.đồng)	Lãi gộp (Tr.đồng)
1	Gạo cung ứng X.khẩu	4.000	36.000	36.500	500
2	Gạo tiêu thụ nội địa	400	3.930	4.000	70
3	Sắn lát	30.000	177.000	181.000	4.000
5	Đậu tương	13.000	233.000	242.000	9.000
6	Ngô	400	2.460	2.560	100
7	Hàng nông sản khác	250	2.800	3.000	200
8	Doanh thu Xây lắp		3.970	4.000	30
9	Kinh doanh khác		45.740	46.940	1.200
Tổng doanh thu toàn công ty			504.900	520.000	15.100

Ghi chú: Kế hoạch lợi nhuận này được xây dựng để hoàn thành, với điều kiện không có biến động trong năm: truy thu tiền thuê + thuế đất và các khoản tài chính liên quan khác đến khu đất tại Bình Dương theo kết luận của KTNN năm 2022.

Kế hoạch công tác đầu tư xây dựng dự án:

Tiếp tục nghiên cứu và đề xuất phương án triển khai đầu tư dự án tại 780 Minh Khai và Km số 10 Văn Điển trong quá trình thực hiện phê duyệt phương án sắp xếp theo Nghị định 167/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 sửa đổi, bổ sung của Chính Phủ.

(khu đất 9A+780 Minh Khai đã được cấp GCNQSDĐ và TSTD; khu đất Km10 Văn Điển đã hoàn thiện hồ sơ pháp lý và ký Hợp đồng thuê đất với Thành phố);

Bám sát cùng đối tác, nhằm thúc đẩy triển khai dự án tại 231 Cầu Giấy để khai thác hiệu quả quỹ đất và đảm bảo uy tín của doanh nghiệp.

- Kế hoạch thực hiện công tác bảo vệ quỹ đất:

Giải quyết các vướng mắc tồn tại và hoàn thiện hồ sơ pháp lý cho từng khu đất do Công ty đang quản lý theo Nghị định 167/NĐ-CP và 67/NĐ-CP.

Tiếp tục các bước nhằm hoàn thiện hồ sơ pháp lý của điểm đất tại ấp Thái Hòa – xã Tân Uyên – tỉnh Bình Dương để làm tốt công tác quản lý, đồng thời đảm bảo nghĩa vụ nộp tiền thuê + thuế khi cơ quan quản lý Nhà nước yêu cầu và để hưởng quyền lợi của doanh nghiệp theo quy định. Tuy nhiên việc thực hiện nghĩa vụ liên quan trên sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động SXKD của năm, xong đây là điều cần thiết trong công tác bảo vệ và phát triển quỹ đất của Công ty.

II.2. Kế hoạch SXKD thực hiện trong năm 2023.

Ban lãnh đạo xây dựng kế hoạch SXKD năm 2023 của toàn Công ty như sau:

Biểu 2: Kế hoạch lợi nhuận SXKD năm 2023.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tổng số
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	520.000
2	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	504.900
3	Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	15.100
4	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	23.400
5	Chi phí hoạt động tài chính	Triệu đồng	2.000
6	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	5.000
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	24.000
8	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	Triệu đồng	7.500
9	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	-
10	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	7.500

Biểu 3: Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu tổng hợp năm 2023

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2023
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	215
2	Số lao động bình quân	Người	108
3	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	520
4	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	15,3
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	15
6	LN sau thuế TNDN	Tỷ đồng	7,5
7	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/th	12

II.3. Những chiến lược và các giải pháp thực hiện chủ yếu của năm 2023.

Để thực hiện đúng định hướng và hoàn thành các mục tiêu của kế hoạch đã đề ra, Công ty cần phải có những chiến lược kinh doanh và các giải pháp thực sự hiệu quả và đồng bộ trong quá trình tổ chức thực hiện, sau đây Ban lãnh đạo đã đưa ra để thực hiện một số giải pháp cụ thể như sau:

1. Chiến lược kinh doanh:

- Xây dựng chiến lược trung và dài hạn cho cơ cấu tài chính của Công ty.
- Tập trung nguồn lực để khai thác và phát triển các dự án, quỹ đất có hiệu quả, mang lại lợi nhuận cho cổ đông và tạo dựng tính ổn định của Công ty.
- Tìm hiểu, xây dựng và thực hiện liên doanh, liên kết với các nhà đầu tư, đối tác, khách hàng để mang lại giá trị cao nhất đối với từng lô đất, từng dự án.
- Khuyến khích, tăng cường công tác nghiên cứu thị trường, lập và triển khai những giải pháp phát triển ngành hàng mới có tiềm năng.
- Tiếp tục cấu trúc lại hệ thống quản lý Công ty, đồng thời chuyên sâu khai thác và phát triển các lĩnh vực là thế mạnh của Công ty. Nhằm nâng cao năng lực quản trị và khả năng cạnh tranh để có hiệu quả tốt nhất đem lại cho Công ty.

2. Giải pháp về quản lý:

- Điều hành kịp thời, tạo đủ điều kiện và các yếu tố cần và đủ nhằm thực hiện tốt các mục tiêu của kế hoạch đã đề ra đồng thời kiểm soát chặt chẽ và có những biện pháp kiên quyết, hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn vốn và tài sản của Công ty. Trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến quản lý và kiểm soát quá trình luân chuyển hàng hóa - Tiền tệ.

Thông qua điều hành để phát hiện kịp thời những yếu tố mới, để điều chỉnh những chỗ chưa phù hợp, bổ sung những chế tài quản lý, những mặt hàng và những lĩnh vực mới nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao. Thực hiện tốt công tác cán bộ, quản lý và giám sát chặt chẽ, kịp thời các quá trình tổ chức, chỉ đạo và thực hiện kế hoạch SXKD.

- Chấp hành các định chế tài chính, quy chế tổ chức và hoạt động cũng như các quy chế nội bộ khác của Công ty.

3. Giải pháp về vốn:

Đặc trưng ngành nghề của Công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại, mua bán nông sản và tham gia kinh doanh phân phối. Do đó, nhu cầu về các khoản vay ngắn hạn là rất lớn. Các năm qua, vay ngắn hạn của Công ty liên tục tăng để đáp ứng nhu cầu kinh doanh, tuy nhiên Công ty đảm bảo tốt khả năng trả nợ đúng hạn.

Dự kiến vốn vay phục vụ SXKD trong năm 2023 với hạn mức 420 tỷ VNĐ.

Trong năm 2023 Công ty sẽ tiếp tục ký các hợp đồng tín dụng với các ngân hàng truyền thống, đã giữ được chữ tín với nhau qua thời gian bằng việc đảm bảo mức lãi suất hợp lý cho từng hợp đồng tín dụng và thực hiện đúng cam kết của người vay

với ngân hàng; chấp hành nghiêm chỉnh các định chế tài chính và tín dụng của ngân hàng.

4. Giải pháp về tiết kiệm chi phí:

Trong bối cảnh kinh tế khó khăn như hiện nay, việc phấn đấu để giảm thiểu chi phí trên một đơn vị sản phẩm hàng hoá dịch vụ cũng như những khoản chi chưa thực sự cần thiết là điều tất yếu phải làm.

Công ty sẽ xem xét và điều chỉnh thích hợp các định mức chi phí nhằm vừa tiết kiệm, chống lãng phí đồng thời tăng mức hiệu quả cho một đơn vị chi phí bỏ ra và tiếp tục thực hiện tiết giảm hợp lý nhất trong chi phí quản lý doanh nghiệp.

III. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ của ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó, Ban điều hành Công ty có những đề xuất và kiến nghị sau:

1/ ĐHĐCĐ và HĐQT hỗ trợ Công ty trong việc thúc đẩy quá trình phê duyệt phương án sắp xếp theo Nghị định 167/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 sửa đổi, bổ sung của Chính Phủ để sớm đưa các dự án vào thực hiện và nhằm nâng cao hiệu quả khả năng khai thác quỹ đất mà Công ty đang quản lý.

2/ ĐHĐCĐ và HĐQT hỗ trợ Công ty trong việc thúc đẩy tháo gỡ các vướng mắc liên quan để tiếp tục thực hiện triển khai dự án tại 231 Cầu Giấy. Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất và tránh các phát sinh không cần thiết có thể xảy ra.

3/ ĐHĐCĐ và HĐQT đồng thuận với Công ty trong việc thực hiện theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước, nộp nghĩa vụ tài chính liên quan đến điếm đất tại ấp Thái Hòa – xã Tân Uyên – tỉnh Bình Dương và hoàn thiện hồ sơ pháp lý theo quy định.

4/ ĐHĐCĐ và HĐQT hỗ trợ Công ty trong hoạt động kinh doanh XNK, đặc biệt là với các mặt hàng nông sản (xúc tiến thương mại, tìm kiếm đối tác....) để nâng cao năng lực cạnh tranh và đạt hiệu quả.

Trên đây là toàn bộ báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023, Ban điều hành Công ty kính trình ĐHĐCĐ và HĐQT xem xét và thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhân:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT; BKS;
- Ban giám đốc;
- Các phòng/ban C.ty;
- Các Chi nhánh thuộc C.ty;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Nguyễn Văn Toàn

Số: /BC-HĐQT-VHF

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Dự thảo

BÁO CÁO

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà;

Hội đồng quản trị Công ty kiểm điểm đánh giá hoạt động năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT Kết quả hoạt động năm 2022

I - Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

1- Thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

Trong năm 2022, Công ty phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức; đặc biệt là những khó khăn xuất phát từ thiên tai, dịch bệnh và chiến tranh thương mại. Tuy nhiên, Công ty đã đạt được những kết quả rất đáng được ghi nhận. Cụ thể như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN NĂM 2021	NĂM 2022		
				KH	TH	%TH
1	Doanh thu	Tỉ đồng	425,8	480	497	103,5
2	Nộp ngân sách	Tỉ đồng	15,7	20	19,4	97
3	LN sau thuế	Tỉ đồng	6,52	7	7,1	101,4
4	Tổng quỹ lương	Tỉ đồng	14,8	15	14,9	99,3
5	Số lao động bình quân	Người	104	108	108	100
6	Thu nhập của người lao động	Tr.đ/người/ Th	11,2	11,2	11,5	102,7

2. Việc triển khai thực hiện các dự án:

Trong năm qua, Công ty đang thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ trình các cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt, do đó chưa có cơ sở để thực hiện các bước thủ tục đầu tư xây dựng dự án.

Đối với dự án 231 Cầu giấy, trong năm qua đối tác vẫn đang tiếp tục thực hiện việc điều chỉnh dự án theo quy hoạch chung của Thành phố.

3. Chi trả cổ tức năm 2021:

Thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022; Hội đồng quản trị đã ban hành quyết định số: 29/QĐ-HĐQT-VHF ngày 23/9/2022 về việc chi trả cổ tức bằng tiền năm 2021 cho các cổ đông. Ban Điều hành đã tổ chức thực hiện và hoàn thành trong tháng 10 năm 2022.

II - Đánh giá công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị

1 - Tổ chức của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị năm 2022 có 5 thành viên

- Ông Lê Văn Thành - Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Phạm Đình Cường - Ủy viên HĐQT miễn nhiệm ngày 19/4/2022 nghỉ hưu theo chế độ.
- Bà Lưu Thị Tuyết Mai - Ủy viên HĐQT.
- Bà Bùi Thị Thanh Hương - Ủy viên HĐQT.
- Ông Nguyễn Văn Toàn - Ủy viên HĐQT.
- Ông Nguyễn Anh Dũng - Ủy viên HĐQT bầu bổ sung ngày 19/4/2022.

2 - Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT đã tạo điều kiện để Giám đốc và Ban điều hành tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của mình theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát thường xuyên Giám đốc và Ban điều hành trong việc thực hiện tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, các văn bản chỉ đạo của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ đã ban hành.

Đối với những vấn đề quan trọng, HĐQT luôn tham khảo ý kiến của Giám đốc và Ban điều hành trước khi quyết định để tạo sự thống nhất cao về chủ trương và giải pháp tổ chức thực hiện.

Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty theo nhiệm vụ, quyền hạn được phân công đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nêu cao tinh thần trách nhiệm trước tập thể và đã có những đóng góp tích cực trong quá trình điều hành chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã thực hiện 05 kỳ họp theo định kỳ và đột xuất; Ban hành 13 Nghị quyết, Quyết định phục vụ cho công tác quản lý, điều hành Công ty. Thực hiện việc Công bố thông tin đúng quy định, đảm bảo việc minh bạch toàn bộ hoạt động của Công ty đến các cổ đông và các nhà đầu tư.

3- Công tác giám sát hoạt động đối với Ban điều hành Công ty:

Hội đồng quản trị Công ty đã thường xuyên thực hiện công tác giám sát chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành Công ty; hỗ trợ, tạo điều kiện tối đa để Ban điều hành chủ động và đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm.

Nhìn chung Ban điều hành đã luôn bám sát phương hướng, nhiệm vụ đề ra hàng năm, bám sát tình hình thực tiễn, chủ động, linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2022 là năm ghi nhận sự đồng thuận, cố gắng và quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thách thức của toàn thể Ban điều hành công ty và Người lao động trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành, Ban kiểm soát đã thực hiện tốt theo “Quy chế làm việc giữa Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát Công ty”.

PHẦN THỨ HAI

Phương hướng hoạt động năm 2023 của HĐQT

Để giữ vững sự ổn định và phát triển, tạo đủ việc làm cho người lao động cũng như chi trả cổ tức phù hợp cho các cổ đông, Hội đồng quản trị xác định phương hướng hoạt động năm 2023 cụ thể như sau:

1. Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Tiếp tục kiện toàn sắp xếp lại tổ chức sản xuất nhằm tăng cường hiệu quả sản xuất kinh doanh.
3. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định nội bộ của Công ty để phù hợp với tình hình mới.

4. Quan tâm đến đời sống của người lao động về các mặt như lương, thưởng, chế độ chăm sóc sức khỏe...;
5. Thực hiện tốt quyền lợi của cổ đông như: trả cổ tức, tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông tiếp nhận thông tin và đóng góp ý kiến xây dựng Công ty.
6. Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2022 và chương trình hành động năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty.

Kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Thành

Số: /TTr-HĐQT-VHF

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Thực hiện quy chế trả lương, thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT,
BKS năm 2022 và kế hoạch thực hiện quy chế trả lương, thù lao,
kinh phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty CP Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ16-VHF của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 về kế hoạch thực hiện quy chế trả lương, thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2022.

Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ việc thực hiện quy chế trả lương, thù lao, kinh phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch thực hiện quy chế trả lương, thù lao, kinh phí hoạt động của HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2023, cụ thể như sau:

I. Thực hiện quy chế trả lương, thù lao và kinh phí hoạt động năm 2022:

1. Năm 2022 Công ty đã thực hiện quy chế trả lương, thưởng phù hợp với quy định của pháp luật và quy chế tài chính của Công ty.
2. Công ty đã thực hiện việc chi trả thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT; BKS; Thư ký HĐQT năm 2022 cụ thể như sau:

Đvt: đồng

Tt	Nội dung	Năm 2022	
		Kế hoạch	Thực hiện
1	Thù lao của HĐQT, BKS	216.000.000	216.000.000
2	Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS	300.000.000	291.184.687
	Cộng	516.000.000	507.184.687

II. Kế hoạch thực hiện quy chế trả lương, thù lao và kinh phí hoạt động năm 2023:

1. Năm 2023 Công ty tiếp tục thực hiện quy chế trả lương phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Dự toán kinh phí hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS năm 2023, cụ thể như sau:

- Thù lao của HĐQT và BKS	: 216.000.000 đồng;
- Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS	: <u>300.000.000 đồng.</u>
Tổng cộng	: 516.000.000 đồng

(Năm trăm mười sáu triệu đồng chẵn).

Dự toán kinh phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2023 gồm:

- + Chi phí đi lại, công tác phí cho HĐQT, BKS theo quy định tại Điều lệ của Công ty;
- + Thù lao cho Thư ký Hội đồng quản trị;
- + Chi phí tiến hành giám sát/kiểm tra thực tế tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; cụ thể về chương trình do HĐQT & BKS quyết định.
- + Các chi phí khác do Hội đồng quản trị quyết định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS công ty;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Thành

Số: /TTr-HĐQT-VHF

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc: Ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
Công ty cổ phần xây dựng và chế biến lương thực Vĩnh Hà

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính, về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà.

Thực hiện các quy định trong Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, vv..., và các quy định hiện hành khác của Nhà nước, nhằm đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán có năng lực để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên 2023; kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT; BKS;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lê Văn Thành

Số: /TTr-HĐQT-VHF

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
về việc phân phối lợi nhuận năm 2022

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC VĨNH HÀ**

- Căn cứ điều lệ công ty;
- Căn cứ quy chế tài chính công ty;
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán,

Nay Hội đồng quản trị công ty dự kiến phân chia lợi nhuận năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: đồng

1. Lợi nhuận chưa phân phối năm 2022	7.101.210.132
2. Phân phối lợi nhuận như sau	
Tổng lợi nhuận được phân phối	7.101.210.132
Quỹ đầu tư phát triển (5% lợi nhuận sau thuế)	355.060.507
Quỹ khen thưởng phúc lợi (5% lợi nhuận sau thuế)	355.060.507
3. Chia cổ tức cho các cổ đông	6.391.089.118

Tỷ lệ chia cổ tức: $6.391.089.118 \text{ đồng} : 215.000.000.000 \text{ đồng} = 2,97\%$

Hình thức trả cổ tức: tiền mặt, chuyển khoản.

Thời gian chi trả cổ tức do HĐQT quyết định vào thời điểm thích hợp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS công ty;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lê Văn Thành

Số: /TTr-HĐQT-VHF

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc: Miễn nhiệm thành viên HĐQT Công ty

Kính gửi : **Đại hội đồng cổ đông**
Công ty CP Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà;

Xét đơn từ nhiệm của bà Bùi Thị Thanh Hương thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2021-2026. Bà Bùi Thị Thanh Hương xin được từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty vì lý do cá nhân.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến biểu quyết về việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2021-2026 đối với bà Bùi Thị Thanh Hương.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS công ty;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

Lê Văn Thành

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CHẾ BIẾN
LƯƠNG THỰC VĨNH HÀ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Thành	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Dũng	Ủy viên (Bổ nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2022)
Ông Phạm Đình Cường	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2022)
Bà Lưu Thị Tuyết Mai	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Toàn	Ủy viên
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Toàn	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 5 năm 2022)
Ông Phạm Đình Cường	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 5 năm 2022)
Ông Nguyễn Khắc Quý	Phó Giám đốc
Ông Lê Hải Long	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Toàn	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 5 năm 2022)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Toàn	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 5 năm 2022)
Ông Phạm Đình Cường	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 5 năm 2022)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính trong năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

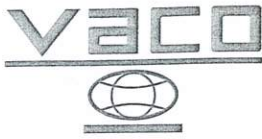
Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Toàn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2023



Số: 040 /VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Dự án 9A Vĩnh Tuy và Dự án số 10 Thị trấn Văn Điển đã dừng triển khai từ các năm trước. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang chờ quyết định của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến các dự án nói trên. Chưa có bút toán điều chỉnh nào trong báo cáo tài chính năm 2022 liên quan đến giá trị dở dang của các dự án này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề nhấn mạnh (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 35 - Hợp tác kinh doanh, theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đại Phước thì Công ty đã nhận được số tiền ứng trước khoảng 16,5 tỷ VND, số tiền còn lại khoảng 59,95 tỷ VND chưa được Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đại Phước thanh toán cho Công ty (theo hợp đồng hợp tác kinh doanh thì sẽ thanh toán không muộn hơn ngày 30/12/2020). Chưa có điều chỉnh nào trong báo cáo tài chính này liên quan đến số tiền còn phải thu nói trên.

Ý kiến của kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3652-2021-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		291.263.340.746	271.217.588.152
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	12.006.749.629	8.771.400.410
1. Tiền	111		12.006.749.629	8.771.400.410
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	227.600.000.000	213.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		227.600.000.000	213.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.631.160.377	14.885.988.755
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	48.033.302.745	45.012.332.877
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	10.150.638.459	2.284.528.483
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.362.119.818	2.614.028.040
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(34.914.900.645)	(35.024.900.645)
IV. Hàng tồn kho	140		22.247.514.730	29.504.804.263
1. Hàng tồn kho	141	10	22.247.514.730	29.504.804.263
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.777.916.010	5.055.394.724
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	218.240.731	417.295.184
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.046.558.103	3.471.947.781
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	1.513.117.176	1.166.151.759
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.388.752.065	45.121.931.116
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.795.697.458	3.905.697.458
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	299.239.458	409.239.458
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	2.496.458.000	3.496.458.000
II. Tài sản cố định	220		3.826.907.920	4.690.334.169
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.828.657.391	3.331.843.076
- Nguyên giá	222		23.149.001.823	23.125.846.612
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.320.344.432)	(19.794.003.536)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	998.250.529	1.358.491.093
- Nguyên giá	228		5.786.890.000	5.786.890.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.788.639.471)	(4.428.398.907)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	6.383.910.031	7.528.805.173
- Nguyên giá	231		31.169.032.576	31.169.032.576
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(24.785.122.545)	(23.640.227.403)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.512.265.424	6.512.265.424
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	6.512.265.424	6.512.265.424
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	15.141.369.600	15.141.369.600
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.141.369.600	15.141.369.600
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.728.601.632	7.343.459.292
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	7.728.601.632	7.343.459.292
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		333.652.092.811	316.339.519.268

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NỢ PHẢI TRẢ	300		103.538.227.543	87.125.539.049
I. Nợ ngắn hạn	310		98.023.827.473	78.821.779.609
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	27.866.887.118	13.791.057.054
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.314.358.821	527.200.917
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	967.688.863	1.099.449.248
4. Phải trả người lao động	314		1.368.285.584	1.837.992.077
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		47.626.346	272.864.190
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	7.947.765.093	6.832.005.992
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	594.445.000	318.737.216
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	56.903.822.375	53.969.711.216
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.948.273	172.761.699
II. Nợ dài hạn	330		5.514.400.070	8.303.759.440
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		47.380.320	47.380.320
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	5.427.339.750	8.206.159.120
3. Phải trả dài hạn khác	337	19	39.680.000	50.220.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		230.113.865.268	229.213.980.219
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	230.113.865.268	229.213.980.219
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.000.000.000	215.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		215.000.000.000	215.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.012.655.136	7.686.269.606
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.101.210.132	6.527.710.613
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.101.210.132	6.527.710.613
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		333.652.092.811	316.339.519.268



Nguyễn Văn Toàn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Bùi Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Hiền
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	496.994.133.061	425.815.854.067
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		496.994.133.061	425.815.854.067
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	477.031.667.610	411.492.784.406
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		19.962.465.451	14.323.069.661
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	23.735.673.121	23.108.165.998
7. Chi phí tài chính	22	27	4.814.207.167	1.602.550.823
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.796.490.713	1.554.475.732
8. Chi phí bán hàng	25	28	4.344.975.497	5.008.533.468
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	27.520.664.889	24.332.471.536
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		7.018.291.019	6.487.679.832
11. Thu nhập khác	31		87.039.192	45.464.370
12. Chi phí khác	32		4.120.079	5.433.589
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		82.919.113	40.030.781
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.101.210.132	6.527.710.613
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		7.101.210.132	6.527.710.613
17. Lỗ/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	330	288



Nguyễn Văn Toàn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Bùi Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Hiền
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.101.210.132	6.527.710.613
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.270.188.311	2.376.761.391
- Các khoản dự phòng	03	(110.000.000)	(120.000.000)
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(276.656.473)	756.538
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(22.839.430.814)	(22.258.480.226)
- Chi phí lãi vay	06	2.796.490.713	1.554.475.732
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(11.058.198.131)	(11.918.775.952)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(8.446.747.361)	7.939.916.211
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	7.257.289.533	(19.528.177.194)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	12.811.233.780	8.392.552.218
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(186.087.887)	(1.020.175.629)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.923.002.559)	(1.389.907.516)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	53.500.000	157.500.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(539.698.956)	(447.149.014)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.031.711.581)	(17.814.216.876)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(261.866.920)	(273.340.607)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	15.000.000	21.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(196.350.000.000)	(209.215.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	181.750.000.000	171.515.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.045.449.004	21.863.269.171
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.198.582.084	(16.088.253.254)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	276.353.245.838	199.108.242.072
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(273.419.134.679)	(157.311.510.880)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.869.500.000)	(5.574.889.549)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.935.388.841)	36.221.841.643
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	3.231.481.662	2.319.371.513
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	8.771.400.410	6.452.785.435
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.867.557	(756.538)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	12.006.749.629	8.771.400.410



Nguyễn Văn Toàn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Bùi Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Hiền
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3528/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 16 tháng 5 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy Chứng nhận kinh doanh lần đầu số 0103014682 ngày 23 tháng 11 năm 2006 và thay đổi lần thứ 7 số 0100102830 ngày 06 tháng 5 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh là 215.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 99 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 103 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- ✓ Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;
- ✓ Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vecni;
- ✓ Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim;
- ✓ Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, vecni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch, ngói, đá, cát, sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
- ✓ Bốc xếp hàng hóa; Vận tải bằng đường bộ; Xây dựng công trình và kỹ thuật dân dụng khác như đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê;
- ✓ Hoàn thiện công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác như chống thấm cho các công trình dân dụng, công nghiệp;
- ✓ Chế biến nông sản, lương thực, thực phẩm; Thương nghiệp bán buôn, bán lẻ lương thực, nông sản, vật tư nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y) và kinh doanh tổng hợp;
- ✓ Sản xuất nước giải khát; Đại lý bán buôn, bán lẻ gas, chất đốt; Kinh doanh và sản xuất bao bì thực phẩm; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- ✓ Bán buôn, bán lẻ và đại lý sắt thép, ống thép kim loại màu;
- ✓ Xuất nhập khẩu trực tiếp lương thực, thực phẩm; Xây dựng công trình dân dụng và hạng mục công trình công nghiệp; Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; Nuôi trồng thủy, hải sản;
- ✓ Dịch vụ dạy nghề công nhân kỹ thuật, giới thiệu việc làm; Dịch vụ ăn uống, nhà hàng;
- ✓ Cho thuê bất động sản, nhà, kho bãi; Kinh doanh vận tải, đại lý vận tải đường bộ, đường thủy.

Hoạt động chính của Công ty là:

- ✓ Chế biến nông sản, lương thực, thực phẩm; Thương nghiệp bán buôn, bán lẻ lương thực, nông sản, vật tư nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y) và kinh doanh tổng hợp;
- ✓ Cho thuê bất động sản, nhà, kho bãi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

STT	Đơn vị	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Xuất nhập khẩu I	Thị trấn Thái Hòa, Tân Uyên, Bình Dương
2	Trung tâm Dịch vụ giới thiệu sản phẩm Vĩnh Hà	9A Vĩnh Tuy, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội
3	Xí nghiệp Chế biến nông sản thực phẩm Vĩnh Tuy	9A Vĩnh Tuy, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội
4	Xí nghiệp Xây dựng số 2	9A Vĩnh Tuy, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội
5	Trung tâm Kinh doanh lương thực Gia Lâm	Số 1, ngõ 100, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội
6	Trung tâm Kinh doanh lương thực Thanh Trì	Thị trấn Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Bất động sản đầu tư xác định được giá trị hợp lý được trình bày cụ thể tại các Thuyết minh số 13;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b và c trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình khác là phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà xưởng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí hợp tác kinh doanh tại 231 Cầu Giấy: Bao gồm các chi phí xây dựng dự án 231 Cầu Giấy, Công ty tiến hành phân bổ theo phương pháp đường thẳng dự án từ năm 2009, dự kiến phân bổ trong 42 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước dài hạn (Tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí khác: Chi phí khác là các chi phí tư vấn, chi phí cắm mốc,... Công ty dự kiến phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán căn cứ vào giá trị nghiệm thu quyết toán của hai bên. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản dựa trên phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có khoản lỗ lũy kế tính thuế chưa sử dụng là 11.185.278.076 VND có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 05 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên trong báo cáo này, Công ty không xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho số lỗ này do Công ty chưa chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách bên liên quan của Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lương thực Hưng Yên	Cùng Công ty mẹ
Công ty Bột mỳ Vinafood I	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Bắc	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH FTC - Tungshing	Công ty liên kết
Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty	Lãnh đạo chủ chốt

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	479.013.202	117.223.215
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.527.736.427	8.654.177.195
Cộng	12.006.749.629	8.771.400.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	227.600.000.000	227.600.000.000	213.000.000.000	213.000.000.000
a) Ngân hạn	227.600.000.000	227.600.000.000	213.000.000.000	213.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	227.600.000.000	227.600.000.000	213.000.000.000	213.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hà Nội	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt - CN Đông Đô	139.900.000.000	139.900.000.000	134.000.000.000	134.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	29.200.000.000	29.200.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Chương Dương	15.500.000.000	15.500.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - CN Hà Nội	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-

Ghi chú:

(i) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo và không được phân loại là tương đương tiền.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.141.369.600	-	15.141.369.600	15.141.369.600
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (i)	15.141.369.600	-	15.141.369.600	15.141.369.600
Cộng	15.141.369.600	-	15.141.369.600	15.141.369.600

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Ghi chú:

(i) Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 05 tháng 3 năm 1994 với Công ty Tungshing Development INC để thành lập Công ty TNHH FTC - Tungshing nhằm mục đích xây dựng Tòa nhà văn phòng cho thuê và kinh doanh dịch vụ văn phòng tại số 2 - 4 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Trong đó:

- Vốn góp của phía Việt Nam là quyền sử dụng đất tại số 2 - 4 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)Ghi chú (Tiếp theo):

- Lợi nhuận được phân chia cho các bên sẽ do Hội đồng Quản trị công ty liên doanh quyết định sau khi đã trả tất cả các loại thuế và lập quỹ dự phòng phù hợp với quy định của pháp luật, thanh toán toàn bộ phần nợ công ty liên doanh còn phải trả.
- Tỷ lệ lợi nhuận chia cho phía Việt Nam từ năm thứ nhất đến năm thứ 10 là 30%; Từ năm thứ 11 đến năm thứ 20 là 35%; Từ năm thứ 21 đến năm thứ 30 là 40%; Từ năm thứ 31 đến khi hết hạn giấy phép là 45%.

Xác định giá trị hợp lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính, nên số liệu trình bày trong chỉ tiêu giá trị hợp lý được tính như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào Công ty liên kết chưa niêm yết: Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa xác định được do chưa đủ các thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>	<i>48.033.302.745</i>	<i>45.012.332.877</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Nông sản Đức Lợi	20.421.354.200	20.421.354.200
Công ty Cổ phần Phát triển Tân Thành	5.170.284.533	5.170.284.533
Doanh nghiệp Tư nhân Minh Ân	3.537.595.843	3.537.595.843
Công ty Cổ phần XNK Nông sản Phú Thịnh	5.482.750.001	-
Công ty Cổ phần Đồng Xanh	1.979.930.000	1.979.930.000
Công ty Cổ phần Cavico Cầu Hàm	1.754.014.091	1.754.014.091
Công ty TNHH Phúc Thịnh	1.680.000.000	1.680.000.000
Các đối tượng khác	8.007.374.077	10.469.154.210

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>10.150.638.459</i>	<i>2.284.528.483</i>
Công ty The Delong Co., INC	6.946.691.284	1.712.273.989
Công ty Mills Bros International, INC	1.195.271.468	-
Công ty TNHH NGK Coca-Cola VN	1.078.675.707	316.916.634
Các đối tượng khác	930.000.000	255.337.860
<i>b) Dài hạn</i>	<i>299.239.458</i>	<i>409.239.458</i>
Công ty TNHH Thảo Yên	299.239.458	409.239.458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.362.119.818	-	2.614.028.040	-
- Ký cược, ký quỹ	250.000.000	-	1.492.000.000	-
- Thuế tạm tính mua tài sản Bình Dương	880.952.382	-	880.952.382	-
- Phải thu các đối tượng khác	231.167.436	-	241.075.658	-
b) Dài hạn	2.496.458.000	-	3.496.458.000	-
- Tạm ứng (i)	1.596.458.000	-	3.496.458.000	-
- Ký cược, ký quỹ	900.000.000	-	-	-

Ghi chú:

- (i) Đây là khoản tạm ứng cho cá nhân Bà Nguyễn Kim Thanh (nhận nợ từ Ông Nguyễn Văn Toàn) làm các thủ tục thực hiện dự án. Đến nay, các dự án này đã thành lập Ban Quản lý Dự án và có các chi phí phát sinh như: Chi phí đo đạc, khảo sát, chi phí lương...

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP TMNS Đức Lợi	20.421.354.200	-	20.421.354.200	-
Công ty CP Phát triển Tân Thành	5.170.284.533	-	5.170.284.533	-
DNTN Minh Ân	3.537.595.843	-	3.537.595.843	-
Công ty CP Đồng Xanh	1.979.930.000	-	1.979.930.000	-
Công ty CP Cavico Cầu Hàm	1.754.014.091	-	1.754.014.091	-
Công ty TNHH Phúc Thịnh	1.680.000.000	-	1.680.000.000	-
Ông Nguyễn Trọng Hiền	40.000.000	-	40.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	32.482.520	-	32.482.520	-
Công ty TNHH Thảo Yên	299.239.458	-	409.239.458	-
Cộng	34.914.900.645	-	35.024.900.645	-

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	16.420.599.648	-	13.545.499.929	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	575.445.186	-	-	-
Hàng hóa	5.251.469.896	-	15.959.304.334	-
Cộng	22.247.514.730	-	29.504.804.263	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC VĨNH HÀ

Số 9A, đường Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

MÃ SỐ B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ											
Số đầu năm	11.825.814.451	2.512.920.829	8.470.315.739	58.980.909	257.814.684	23.125.846.612					
Tăng trong năm	92.230.556	124.000.000	-	45.636.364	-	261.866.920					
Thanh lý trong năm	-	(179.730.800)	-	(58.980.909)	-	(238.711.709)					
Số cuối năm	11.918.045.007	2.457.190.029	8.470.315.739	45.636.364	257.814.684	23.149.001.823					
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ											
Số đầu năm	10.449.839.334	2.512.920.829	6.514.447.780	58.980.909	257.814.684	19.794.003.536					
Khấu hao trong năm	369.782.496	5.117.458	376.570.397	13.582.254	-	765.052.605					
Thanh lý trong năm	-	(179.730.800)	-	(58.980.909)	-	(238.711.709)					
Số cuối năm	10.819.621.830	2.338.307.487	6.891.018.177	13.582.254	257.814.684	20.320.344.432					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Số đầu năm	1.375.975.117	-	1.955.867.959	-	-	3.331.843.076					
Số cuối năm	1.098.423.177	118.882.542	1.579.297.562	32.054.110	-	2.828.657.391					

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 10.161.075.733 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 9.642.004.300 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	5.686.890.000	100.000.000	5.786.890.000
Số cuối năm	5.686.890.000	100.000.000	5.786.890.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	4.328.398.907	100.000.000	4.428.398.907
- Khấu hao trong năm	360.240.564	-	360.240.564
Số cuối năm	4.688.639.471	100.000.000	4.788.639.471
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	1.358.491.093	-	1.358.491.093
Số cuối năm	998.250.529	-	998.250.529

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 100.000.000 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 100.000.000 VND).

13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Kho tàng	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	27.095.692.802	4.073.339.774	31.169.032.576
Số dư cuối năm	27.095.692.802	4.073.339.774	31.169.032.576
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	20.764.907.117	2.875.320.286	23.640.227.403
Khấu hao trong năm	965.270.245	179.624.897	1.144.895.142
Số dư cuối năm	21.730.177.362	3.054.945.183	24.785.122.545
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	6.330.785.685	1.198.019.488	7.528.805.173
Số dư cuối năm	5.365.515.440	1.018.394.591	6.383.910.031

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 – *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không thu thập được thông tin tài sản so sánh phù hợp, vì vậy, chưa xác định được giá trị hợp lý này và vì vậy, chưa trình bày giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Hiện tại, Công ty vẫn đang tìm kiếm công ty tư vấn độc lập phù hợp để đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 9.732.709.709 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 9.154.862.246 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	6.512.265.424	6.512.265.424
Công trình 9A Vĩnh Tuy + 780 Minh Khai	4.825.661.186	4.825.661.186
Công trình Số 10 Thị trấn Văn Điển	1.686.604.238	1.686.604.238

Từ các năm trước, Công ty đang tạm dừng triển khai 2 công trình nêu trên theo Nghị định số 167/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công. Hiện tại, Công ty đang phối hợp với Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc làm việc với các cơ quan chức năng để sớm phê duyệt phương án sắp xếp xử lý tài sản công nêu trên.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	218.240.731	417.295.184
Cộng cụ dụng cụ chờ phân bổ	45.350.257	121.956.924
Các khoản khác	172.890.474	295.338.260
<i>b) Chi phí trả trước dài hạn</i>	7.728.601.632	7.343.459.292
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.327.536.518	1.317.211.489
Chi phí hợp tác kinh doanh tại 231 Cầu Giấy (i)	3.022.926.358	2.898.508.824
Các khoản khác	3.378.138.756	3.127.738.979

Ghi chú:

- (i) Chi phí hợp tác kinh doanh tại 231 Cầu Giấy gồm các khoản chi phát sinh trong quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất để ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đại Phước (thông tin hợp tác kinh doanh xem tại Thuyết minh số 18), Công ty phân bổ 42 năm tương ứng với thời gian hợp tác.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Phải trả người bán ngắn hạn</i>	27.866.887.118	27.866.887.118	13.772.857.054	13.772.857.054
Công ty The Delong Co., INC	5.633.740.983	5.633.740.983	6.000.655.918	6.000.655.918
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam	3.250.000.000	3.250.000.000	3.250.000.000	3.250.000.000
Công ty TNHH Nhiên liệu Dầu khí Sài Gòn	5.970.000.000	5.970.000.000	-	-
Mills Bros International, INC	3.424.113.951	3.424.113.951	-	-
Western Freight Solutions Ltd	5.697.674.136	5.697.674.136	-	-
Công ty TNHH Dầu Ấn Nguyên Phát	1.257.288.255	1.257.288.255	-	-
Công ty Cổ phần Bán kẹo Hải Hà	808.094.543	808.094.543	1.102.573.937	1.102.573.937
Đối tượng khác	1.825.975.250	1.825.975.250	3.419.627.199	3.419.627.199
<i>b) Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan</i>	-	-	18.200.000	18.200.000
Công ty Bột mì Vinafood I	-	-	18.200.000	18.200.000
Tổng cộng	27.866.887.118	27.866.887.118	13.791.057.054	13.791.057.054

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.043.963.287	2.740.203.311	2.857.777.035	926.389.563
Thuế thu nhập cá nhân	17.655.000	202.715.886	179.071.586	41.299.300
Thuế nhà đất, tiền thuê đất và tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	37.830.961	15.485.719.660	15.523.550.621	-
Các loại thuế khác	-	10.000.000	10.000.000	-
Cộng	1.099.449.248	18.438.638.857	18.570.399.242	967.688.863
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.166.151.759	-	-	1.166.151.759
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	346.965.417	346.965.417
Cộng	1.166.151.759	-	346.965.417	1.513.117.176

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	7.947.765.093	6.832.005.992
Doanh thu trả trước cho thuê kho	1.309.886.363	1.415.145.452
Doanh thu nhận trước lãi tiền gửi có kỳ hạn (i)	4.677.241.178	3.456.222.988
Doanh thu hợp đồng hợp tác kinh doanh (ii)	1.960.637.552	1.960.637.552
b) Dài hạn	5.427.339.750	8.206.159.120
Doanh thu trả trước cho thuê kho	2.795.454.545	3.613.636.363
Doanh thu hợp đồng hợp tác kinh doanh (ii)	2.631.885.205	4.592.522.757

Ghi chú:

- (i) Là khoản tiền lãi nhận trước của các hợp đồng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.
- (ii) Là khoản tiền nhận trước của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đại Phước theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01-2016/HĐHTKD-VHF-ĐP ngày 22 tháng 12 năm 2016, hai bên cùng hợp tác kinh doanh trong việc xây dựng Tòa nhà văn phòng tại 231 Cầu Giấy, thời hạn hợp tác là 42 năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2016. Lợi nhuận Công ty được hưởng không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh và tiến độ thực hiện xây dựng Dự án.

Công ty kết chuyển lợi nhuận hàng năm với số tiền là 1.960.637.552 VND dựa trên số tiền Công ty đã nhận trước. Số dư các khoản doanh thu chưa thực hiện khoảng 4,6 tỷ VND nêu trên là số tiền trả trước tương ứng hơn 2 năm.

Theo hợp đồng hợp tác nêu trên, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đại Phước còn phải trả cho Công ty số tiền là 59,95 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa nhận được khoản tiền này.

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	594.445.000	318.737.216
Nhận ký quỹ, ký cược	336.000.000	317.120.000
Đối tượng khác	258.445.000	1.617.216
b) Phải trả dài hạn khác	39.680.000	50.220.000
Nhận ký quỹ, ký cược	39.680.000	50.220.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ (i)	56.903.822.375	56.903.822.375	273.419.134.679	276.353.245.838	53.969.711.216	53.969.711.216
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Chương Dương (ii)	33.238.207.146	33.238.207.146	258.925.067.015	238.754.462.945	53.408.811.216	53.408.811.216
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Việt Nam - CN Việt Nam (iii)	13.762.033.979	13.762.033.979	14.351.167.664	27.695.201.643	418.000.000	418.000.000
Vay cá nhân	9.903.581.250	9.903.581.250	-	9.903.581.250	-	-
	-	-	142.900.000	-	142.900.000	142.900.000

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng tín dụng số 01/2022/6022503/HĐTĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ, hạn mức vay 90 tỷ VND, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Hợp đồng tín dụng số 01/2022/6022503/HĐTĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương, hạn mức vay 40 tỷ VND, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Hợp đồng tín dụng số 1500 -LAV-202201871 ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa Công ty với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, hạn mức vay 60 tỷ VND, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022-2023 của Công ty. Thời hạn cho vay tối đa 06 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU*a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	215.000.000.000	7.376.553.520	6.194.321.721	228.570.875.241
Lợi nhuận trong năm	-	-	6.527.710.613	6.527.710.613
Phân phối lợi nhuận	-	309.716.086	(6.194.321.721)	(5.884.605.635)
Số dư đầu năm nay	215.000.000.000	7.686.269.606	6.527.710.613	229.213.980.219
Lợi nhuận trong năm	-	-	7.101.210.132	7.101.210.132
Phân phối lợi nhuận (i)	-	326.385.530	(6.527.710.613)	(6.201.325.083)
Số dư cuối năm nay	215.000.000.000	8.012.655.136	7.101.210.132	230.113.865.268

Ghi chú:

(i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ16/VHF ngày 19 tháng 4 năm 2022 phân phối lợi nhuận như sau:

- Trích Quỹ Đầu tư phát triển:	326.385.530 VND.
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi:	326.385.530 VND.
- Chia Cổ tức cho các cổ đông:	5.874.939.553 VND.

Trong năm, số cổ tức đã chi trả cho các cổ đông là 5.869.500.000 VND (trong đó số chi trả cho Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc - Bên liên quan là 2.993.445.000 VND và các cổ đông khác là 2.876.055.000 VND).

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ	Số tiền (VND)	Tỷ lệ
Tổng Công ty Lương thực miền Bắc	109.650.000.000	51%	109.650.000.000	51%
Các cổ đông khác	105.350.000.000	49%	105.350.000.000	49%
Cộng	215.000.000.000	100%	215.000.000.000	100%

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.500.000	21.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.500.000	21.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.500.000	21.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.500.000	21.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.500.000	21.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	6.535,58	9.072,62

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CHIẾ BIẾN LƯƠNG THỰC VINH HẠ
Số 9A, đường Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

MÃU SỐ B09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Năm nay	Hoạt động kinh doanh lương thực và khác		Hoạt động kinh doanh bất động sản		Hoạt động xây lắp		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	460.214.273.718	34.170.854.983	2.609.004.360	496.994.133.061			
Khấu hao và chi phí phân bổ	456.551.399.459	17.979.900.181	2.500.367.970	477.031.667.610			
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				31.865.640.386			
Doanh thu tài chính				23.735.673.121			
Chi phí tài chính				4.814.207.167			
Thu nhập khác				87.039.192			
Chi phí khác				4.120.079			
Lợi nhuận sau thuế TNDN				7.101.210.132			
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	261.866.920	-	-	261.866.920			
Tài sản bộ phận	68.719.147.175	6.383.910.031	2.563.214.116	77.666.271.322			
Tài sản không phân bổ				255.723.954.569			
Tổng tài sản				333.652.092.811			
Nợ phải trả bộ phận	38.985.213.008	4.105.340.908	2.563.214.116	45.653.768.032			
Nợ phải trả không phân bổ				57.884.459.511			
Tổng nợ phải trả				103.538.227.543			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP THEO)

Năm trước	Hoạt động kinh doanh		Hoạt động xây lắp	Tổng cộng
	Hoạt động kinh doanh trong thực và khác	Hoạt động kinh doanh bất động sản		
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	393.788.685.424	31.054.336.824	972.831.819	425.815.854.067
Khấu hao và chi phí phân bổ	395.689.937.127	14.256.092.472	1.546.754.807	411.492.784.406
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				29.341.005.004
Doanh thu tài chính				23.108.165.998
Chi phí tài chính				1.602.550.823
Thu nhập khác				45.464.370
Chi phí khác				5.433.589
Lợi nhuận sau thuế TNDN				6.527.710.613
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	224.460.909	-	-	224.460.909
Tài sản bộ phận	67.573.069.586	7.528.805.173	2.932.083.192	78.033.957.951
Tài sản không phân bổ				238.081.100.408
Tổng tài sản				316.339.519.268
Nợ phải trả bộ phận	23.922.751.879	5.028.781.815	2.932.083.192	31.883.616.886
Nợ phải trả không phân bổ				55.241.922.163
Tổng nợ phải trả				87.125.539.049

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	460.214.273.718	393.788.685.425
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.170.854.983	31.054.336.823
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.609.004.360	972.831.819
Cộng	<u>496.994.133.061</u>	<u>425.815.854.067</u>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	456.551.399.458	395.689.937.127
Giá vốn cung cấp dịch vụ	17.979.900.182	14.256.092.472
Giá vốn hợp đồng xây dựng	2.500.367.970	1.546.754.807
Cộng	<u>477.031.667.610</u>	<u>411.492.784.406</u>

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.676.630.012	11.493.905.849
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.147.800.802	10.742.756.195
Lãi chênh lệch tỷ giá	665.030.383	605.866.175
Doanh thu tài chính khác	246.211.924	265.637.779
Cộng	<u>23.735.673.121</u>	<u>23.108.165.998</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.796.490.713	1.554.475.732
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.017.716.454	48.075.091
Cộng	<u>4.814.207.167</u>	<u>1.602.550.823</u>

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.009.917.479	1.093.259.988
Chi phí khấu hao	22.944.997	22.944.997
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.135.520.743	2.250.917.827
Chi phí khác bằng tiền	1.176.592.278	1.641.410.656
Cộng	<u>4.344.975.497</u>	<u>5.008.533.468</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	15.744.596.302	14.945.868.079
Chi phí công cụ, dụng cụ, vật liệu	995.504.446	680.545.265
Chi phí khấu hao	763.662.832	830.527.921
Chi phí khác bằng tiền	10.016.901.309	7.875.530.271
Cộng	27.520.664.889	24.332.471.536

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	16.754.513.781	16.039.128.067
Chi phí công cụ dụng cụ, vật liệu	997.912.905	680.545.265
Chi phí khấu hao	2.270.188.311	2.376.761.391
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.439.796.241	6.633.318.478
Chi phí khác bằng tiền	23.883.497.300	19.390.621.082
Cộng	52.345.908.538	45.120.374.283

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi trước thuế	7.101.210.132	6.527.710.613
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(10.763.453.316)	(10.318.566.761)
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>11.147.800.802</i>	<i>10.742.756.195</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>384.347.486</i>	<i>424.189.434</i>
Thu nhập chịu thuế	(3.662.243.184)	(3.790.856.148)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Số lỗ kế toán dự kiến được chuyển sang các năm sau như sau:

Năm	Tình trạng	Kế toán	Thuế	Số lỗ đã chuyển	Số lỗ còn
		VND	VND		VND
		VND	VND	VND	VND
2019	Đã quyết toán	(2.124.453.502)	(2.082.087.140)	-	(2.082.087.140)
2020	Đã quyết toán	(1.884.983.240)	(1.650.091.604)	-	(1.650.091.604)
2021	Đã quyết toán	(3.790.856.148)	(3.790.856.148)	-	(3.790.856.148)
2022	Chưa quyết toán	(3.662.243.184)	-	-	(3.662.243.184)
	Cộng	(11.462.536.074)	(7.523.034.892)	-	(11.185.278.076)

Khoản lỗ tính thuế năm 2022 chưa được cơ quan thuế quyết toán. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.101.210.132	6.527.710.613
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	326.385.530
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.101.210.132	6.201.325.083
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	21.500.000	21.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	330	288

Ghi chú:

Trong năm, Công ty chưa trích quỹ khen thưởng phúc lợi, đầu tư phát triển.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ16/VHF ngày 19 tháng 4 năm 2022. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước trình bày lại là 307.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài giao dịch và số dư đã trình bày tại Thuyết minh số 5, 16, và số 21, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với bên liên quan:

	Bản chất bên liên quan	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Bán hàng hóa, nguyên liệu và cung cấp dịch vụ		36.310.000.000	41.851.800.000
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Công ty mẹ	36.310.000.000	40.376.715.500
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	-	1.409.084.500
Công ty Cổ phần Lương thực Hưng Yên	Cùng Công ty mẹ	-	66.000.000
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa và dịch vụ		38.905.907.964	40.285.205.633
Tổng kho An Giang - CN Tổng Công ty	Cùng Công ty mẹ	17.960.000.000	13.401.172.500
Công ty Bột mì Vinafood I	Cùng Công ty mẹ	2.895.907.964	118.363.633
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Bắc - CN Đồng Tháp	Cùng Công ty mẹ	18.050.000.000	26.765.669.500
Cổ tức và lợi nhuận được chia		11.147.800.802	10.742.756.195
Công ty TNHH FTC - Tungshing	Công ty liên kết	11.147.800.802	10.742.756.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của HĐQT, Ban Giám đốc	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Lê Văn Thành	Chủ tịch	468.795.148	481.194.529
Ông Phạm Đình Cường	Ủy viên kiêm Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 18/4/2022)	139.921.000	459.477.722
Ông Nguyễn Anh Dũng	Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 18/4/2022)	227.222.136	-
Bà Lưu Thị Tuyết Mai	Ủy viên	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Toàn	Ủy viên kiêm Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 18/4/2022)	391.061.270	394.327.303
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Ủy viên	36.000.000	36.000.000
Nguyễn Khắc Quý	Phó Giám đốc	325.572.396	325.572.398
Lê Hải Long	Phó Giám đốc	325.572.396	325.572.398
Cộng		1.950.144.346	2.058.144.350
Thu nhập Ban Kiểm soát			
Bà Vũ Thị Thuý	Trưởng Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Bà Vũ Diệu Thuý	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Ông Hoàng Hùng	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Cộng		72.000.000	72.000.000

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	56.903.822.375	53.969.711.216
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	12.006.749.629	8.771.400.410
Nợ thuần	44.897.072.746	45.198.310.806
Vốn chủ sở hữu	230.113.865.268	229.213.980.219
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	20%	19,7%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.006.749.629	8.771.400.410
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.826.979.918	14.605.918.272
Đầu tư tài chính	242.741.369.600	228.141.369.600
Các khoản ký quỹ	1.150.000.000	1.492.000.000
Cộng	271.725.099.147	253.010.688.282
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	56.903.822.375	53.969.711.216
Phải trả người bán và phải trả khác	28.501.012.118	14.160.014.270
Chi phí phải trả	47.626.346	272.864.190
Cộng	85.452.460.839	68.402.589.676

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.006.749.629	-	12.006.749.629
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.826.979.918	-	15.826.979.918
Đầu tư tài chính	227.600.000.000	15.141.369.600	242.741.369.600
Các khoản ký quỹ	250.000.000	900.000.000	1.150.000.000
Cộng	255.683.729.547	16.041.369.600	271.725.099.147
Số cuối năm			
Các khoản vay	56.903.822.375	-	56.903.822.375
Phải trả người bán và phải trả khác	28.461.332.118	39.680.000	28.501.012.118
Chi phí phải trả	47.626.346	-	47.626.346
Cộng	85.412.780.839	39.680.000	85.452.460.839
Chênh lệch thanh khoản thuần	170.270.948.708	16.001.689.600	186.272.638.308

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm trở lên VND	Tổng VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.771.400.410	-	8.771.400.410
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.605.918.272	-	14.605.918.272
Đầu tư tài chính	213.000.000.000	15.141.369.600	228.141.369.600
Các khoản ký quỹ	1.492.000.000	-	1.492.000.000
Cộng	237.869.318.682	15.141.369.600	253.010.688.282
Số đầu năm			
Các khoản vay	53.969.711.216	-	53.969.711.216
Phải trả người bán và phải trả khác	14.109.794.270	50.220.000	14.160.014.270
Chi phí phải trả	272.864.190	-	272.864.190
Cộng	68.352.369.676	50.220.000	68.402.589.676
Chênh lệch thanh khoản thuần	169.516.949.006	15.091.149.600	184.608.098.606

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

35. HỢP TÁC KINH DOANH.

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 - Doanh thu chưa thực hiện, Công ty với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đại Phước ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01-2016/HĐHTKD-VHF-ĐP ngày 22 tháng 12 năm 2016. Theo đó, hai bên cùng hợp tác kinh doanh trong việc xây dựng Tòa nhà văn phòng tại 231 Cầu Giấy, thời hạn hợp tác là 42 năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2016. Lợi nhuận hợp tác Công ty được hưởng khoảng 76,45 tỷ VND và không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh, tiến độ thực hiện xây dựng Dự án. Công ty đã nhận được số tiền ứng trước khoảng 16,5 tỷ VND, số tiền còn lại khoảng 59,95 tỷ VND chưa được Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đại Phước thanh toán cho Công ty (theo hợp đồng hợp tác kinh doanh thì sẽ thanh toán không muộn hơn ngày 30 tháng 12 năm 2020). Công ty và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đại Phước đang tiếp tục làm việc liên quan đến khoản còn phải thu này. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng, công ty sẽ thu được khoản này trong thời gian tới.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.



Nguyễn Văn Toàn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Bùi Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Hiền
Người lập biểu

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC VĨNH HÀ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC VĨNH HÀ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày/4/2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2022, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

1. Thông qua toàn văn Báo cáo tại văn bản số: /BC-BGD-VHF ngày /4/2023.
2. Đại hội đồng cổ đông đặc biệt nhấn mạnh việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với Doanh thu: 520 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế 7,5 tỷ đồng; Và phấn đấu thực hiện việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng nhằm phát huy hiệu quả việc sử dụng quỹ đất của Công ty.
3. Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT, Ban Điều hành chủ động khắc phục mọi khó khăn để tổ chức thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh. Chủ động lên phương án tự đầu tư phát triển dự án khai thác quỹ đất nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty trình ĐHĐCĐ xem xét.

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán:

Thông qua toàn văn Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO, văn bản số: 040/VACO/BCKiT.NV2 ngày 28/02/2023.

Điều 3: Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về công tác quản lý năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023 của Công ty:

Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý quản trị của Công ty năm 2022 và phương hướng hoạt động trong năm 2023, tại văn bản số: /BC-HĐQT-VHF ngày /4/2023.

Điều 4: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về đánh giá thực trạng quản lý, hoạt động SXKD và thẩm định báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý kinh doanh năm 2022:

Thông qua toàn văn Báo cáo của Ban Kiểm soát: Báo cáo thẩm định tình hình SXKD, tài chính năm 2022 và Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý kinh doanh năm 2022, tại văn bản số: 01/BC-BKS-VHF ngày /4/2023.

Điều 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2022:

Thông qua toàn văn báo cáo phương án phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2022, tại văn bản số: /TTr-HĐQT-VHF ngày /4/2023.

Điều 6: Thông qua kinh phí hoạt động và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch kinh phí hoạt động, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023:

1. Thông qua toàn văn Báo cáo của Hội đồng quản trị “Về việc Thực hiện quy chế trả lương và thù lao của HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch thực hiện Quy chế trả lương, thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2023”, tại văn bản số: /TTr-HĐQT-VHF ngày /4/2023.
2. Đại hội đồng cổ đông giao cho Giám đốc công ty cấp kinh phí đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo nghị quyết đã phê duyệt.

Điều 7: Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán năm tài chính 2023 của Công ty:

Thông qua toàn văn Tờ trình về việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023, tại văn bản số: /TTr-HĐQT/VHF ngày /4/2023;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào tình hình thực tế để lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện việc kiểm toán năm tài chính 2023 của Công ty.

Điều 8: Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty:

Đồng ý miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT Công ty đối với bà Bùi Thị Thanh Hương; Bà Bùi Thị Thanh Hương thôi giữ chức thành viên HĐQT Công ty kể từ ngày /4/2023.

Điều 9: Thông qua việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty:

Đồng ý bầu bổ sung ... là Thành viên HĐQT Công ty. ... là thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021-2026, kể từ ngày /4/2023.

Điều 10: Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông báo nội dung Nghị quyết này đến cổ đông có quyền dự họp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 11: Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ../4/2023. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này./.

Nơi nhân:

- Như Điều 10;
- Lưu VT, ĐHCĐ.

CHỦ TỌA

Lê Văn Thành

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2023

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023 (LẦN THỨ XVII)

Hôm nay, vào hồi 08 giờ ngày tháng 4 năm 2023, tại trụ sở chính của Công ty số 9A phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty cổ phần xây dựng và chế biến lương thực Vĩnh Hà đã làm việc theo triệu tập họp của Chủ tịch Hội đồng quản trị (HDQT).

Chủ tọa phiên họp: Ông: **Lê Văn Thành** - Chủ tịch HDQT.

Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí với đề nghị của Chủ tọa, cử:

1. Ban Thư ký cuộc họp gồm các ông/bà:

- Ông:

- Bà:

2. Các ông/bà:

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp:

- Bà:

- Bà:

Ban kiểm phiếu Đại hội:

- Ông:

I. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG DỰ HỌP BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA:

1. Tổng số cổ đông đã được mời họp là: ... cổ đông - Tương ứng với tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết là: **21.500.000** cổ phần.

2. Tổng số cổ đông đã tới dự họp là: ... cổ đông - Tương ứng: ... cổ phiếu có quyền biểu quyết, chiếm ...% tổng số cổ phần toàn Công ty.

3. Kết luận: Đại hội đồng cổ đông đủ điều kiện tiến hành phiên họp theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

(có Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông kèm theo)

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023.

Ông Nguyễn Văn Toàn - Thừa uỷ quyền của HĐQT đọc Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, tại văn bản số: /BC-BGD-VHF ngày /4/2023.

Sau khi thảo luận, ĐHĐCĐ quyết nghị:

Nhất trí thông qua toàn văn nội dung Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, tại văn bản số: /BC-BGD-VHF ngày /4/2023.

1. Đại hội đồng cổ đông đặc biệt nhấn mạnh việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với Doanh thu: 520 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế 7,5 tỷ đồng; Và phấn đấu thực hiện việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng nhằm phát huy hiệu quả việc sử dụng quỹ đất của Công ty;

2. Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT và Ban Điều hành chủ động khắc phục mọi khó khăn để tổ chức thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh. Chủ động lên phương án tự đầu tư phát triển dự án khai thác quỹ đất nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty trình cổ đông xem xét;

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành: ... đạt tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Số phiếu không tán thành: 0 (không)

(Có biên bản kiểm phiếu kèm theo)

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Ông Nguyễn Văn Toàn - Thừa uỷ quyền của HĐQT đọc Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO; văn bản số: 040/VACO/BCKiT.NV2 ngày 28/02/2023.

Sau khi thảo luận, ĐHĐCĐ quyết nghị:

Nhất trí thông qua toàn văn Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO tại văn bản số: 040/VACO/BCKiT.NV2 ngày 28/02/2023.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành: ... đạt tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Số phiếu không tán thành: 0 (không)

(Có biên bản kiểm phiếu kèm theo)

IV. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Ông Lê Văn Thành - Thừa uỷ quyền của HĐQT đọc Báo cáo hoạt động Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023, tại văn bản

số: /BC-HĐQT-VHF ngày /4/2023.

Sau khi thảo luận, ĐHĐCĐ quyết nghị:

Nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023 tại văn bản số: /BC-HĐQT-VHF ngày /4/2023;

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành: ... đạt tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Số phiếu không tán thành: 0 (không)

(Có biên bản kiểm phiếu kèm theo)

V. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ KINH DOANH NĂM 2022

Bà Vũ Thị Thúy - Thừa ủy quyền BKS đọc Báo cáo về công tác quản lý kinh doanh năm 2022, tại văn bản số: 01/BC-BKS-VHF ngày /4/2023.

Sau thảo luận, ĐHĐCĐ quyết nghị:

Nhất trí thông qua toàn văn Báo cáo của Ban Kiểm soát về công tác quản lý kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà, tại văn bản số: 01/BC-BKS-VHF ngày /4/2023.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành: ... đạt tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Số phiếu không tán thành: 0 (không)

(Có biên bản kiểm phiếu kèm theo)

VI. BÁO CÁO PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRẢ CỔ TỨC NĂM 2022

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh - Thừa ủy quyền của HĐQT đọc phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, tại văn bản số: /TTr-HĐQT-VHF ngày /4/2023.

Sau khi thảo luận, ĐHĐCĐ quyết nghị:

Thông qua toàn văn tờ trình của Hội đồng quản trị về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, tại văn bản số: /TTr-HĐQT-VHF ngày /4/2023.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành: ... đạt tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Số phiếu không tán thành: 0 (không)

(Có biên bản kiểm phiếu kèm theo)

VII. BÁO CÁO THỰC HIỆN QUY CHẾ TRẢ LƯƠNG VÀ THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUY CHẾ TRẢ LƯƠNG VÀ THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh - Thừa ủy quyền của HĐQT đọc tờ trình của Hội đồng quản trị “Về việc Thực hiện quy chế trả lương và thù lao của HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch thực hiện Quy chế trả lương, thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2023” tại văn bản số: /TTr-HĐQT-VHF ngày /4/2023.

Sau khi thảo luận, ĐHĐCĐ quyết nghị:

Nhất trí thông qua toàn văn tờ trình của Hội đồng quản trị “Về việc Thực hiện quy chế trả lương và thù lao của HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch thực hiện Quy chế trả lương, thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2023”; tại văn bản số: /TTr-HĐQT-VHF ngày /4/2023.

Thù lao và kinh phí hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2023 tương ứng là: 516.000.000 đồng (*Năm trăm mười sáu triệu đồng*).

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành: ... đạt tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Số phiếu không tán thành: 0 (Không).

(Có biên bản kiểm phiếu kèm theo)

VIII. LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN NĂM 2023.

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh - Thừa ủy quyền của HĐQT đọc tờ trình của Hội đồng quản trị về việc đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị Kiểm toán cho năm tài chính 2023 của Công ty theo văn bản số: /TTr-HĐQT-VHF ngày /4/2023.

Sau thảo luận, Đại hội đồng cổ đông quyết nghị:

Nhất trí thông qua toàn văn tờ trình của Hội đồng quản trị về việc đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị Kiểm toán cho năm tài chính 2023 của Công ty, tại văn bản số: /TTr-HĐQT-VHF ngày /4/2023.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành: ... đạt tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Số phiếu không tán thành: 0 (không)

(Có biên bản kiểm phiếu kèm theo)

IX. MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021-2026

Ông Lê Văn Thành thay mặt HĐQT đọc toàn văn tờ trình của Hội đồng quản trị về việc đề nghị miễn nhiệm thành viên HĐQT Công ty; văn bản số: /TTr-VHF-HĐQT ngày /4/2023.

Sau khi thảo luận, ĐHĐCĐ quyết nghị:

Đồng ý miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với bà Bùi Thị Thanh Hương; Bà Bùi Thị Thanh Hương thôi giữ chức thành viên HĐQT Công ty kể từ ngày /4/2023.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành: ... đạt tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Số phiếu không tán thành: 0 (không)

(Có biên bản kiểm phiếu kèm theo)

X. BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021-2026

Ông Lê Văn Thành thay mặt HĐQT đọc toàn văn tờ trình của Hội đồng quản trị về việc đề nghị bầu bổ sung nhân sự là thành viên HĐQT Công ty; văn bản số: /TTr-VHF-HĐQT ngày /4/2023.

Sau khi thảo luận, ĐHĐCĐ quyết nghị:

Bầu bổ sung ... là thành viên HĐQT Công ty. ... là thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021-2026, kể từ ngày /4/2023.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành: ... đạt tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Số phiếu không tán thành: 0 (không)

(Có biên bản kiểm phiếu kèm theo)

XI. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Ông Trần Lâm Vũ - Thư ký Đại hội đọc toàn văn dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Văn bản số: 01/NQ-ĐHĐCĐ17/VHF ngày /4/2023.

Sau khi thảo luận, ĐHĐCĐ quyết nghị:

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn bản Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Văn bản số: 01/NQ-ĐHĐCĐ17/VHF ngày /4/2023.

Nghị quyết số: 01/NQ-ĐHĐCĐ17/VHF ngày /4/2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty có hiệu lực kể từ ngày /4/2023.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành: ... đạt tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Số phiếu không tán thành: 0 (không)

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc công ty căn cứ các nội dung đã được thông qua tại cuộc họp này để tổ chức thực hiện.

Biên bản này đã được thư ký đọc trình ĐHĐCĐ và đã được ĐHĐCĐ thông qua bằng hình thức biểu quyết, 100% cổ đông dự họp tán thành. Không cổ đông nào có ý kiến gì khác.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 11h05 giờ cùng ngày.

BAN THƯ KÝ

CHỦ TỌA

Lê Văn Thành